

NGÀNH & CHUYÊN NGÀNH TUYỂN SINH NĂM 2026						
TT	MÃ NGÀNH	NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH	MÃ CHUYÊN NGÀNH	MÔN XÉT TUYỂN		
				Kết quả thi THPT (100), Học bạ THPT (200), Kết quả thi V-SAT (402), Xét tuyển kết hợp (405, 406)		
I TRƯỜNG KHOA HỌC MÁY TÍNH & TRÍ TUỆ NHÂN TẠO (TOP 201-250 THẾ GIỚI THEO QS RANKINGS 2025) - https://sca.duytan.edu.vn						
1	7480103	Ngành Kỹ thuật Phần mềm có các chuyên ngành: Công nghệ Phần mềm (Đạt kiểm định ABET)	102	A00 A01 D01 C01 C02 X26	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Anh Văn, Toán, Anh Văn, Toán, Lý Văn, Toán, Hóa Toán, Anh, Tin	
		Thiết kế Games và Multimedia	122			
		Công nghệ Phần mềm Ô tô Thông minh	131			
2	7480202	Ngành An toàn Thông tin có chuyên ngành: An toàn Thông tin	124			
3	7480101	Ngành Khoa học Máy tính có các chuyên ngành: Kỹ thuật Máy tính	128			
		Khoa học Máy tính	130			
4	7480107	Ngành Trí tuệ Nhân tạo có chuyên ngành: Trí tuệ Nhân tạo (HP)	121(HP)			
5	7460108	Ngành Khoa học Dữ liệu có chuyên ngành: Big Data & Machine Learning (HP)	115(HP)			
6	7480102	Ngành Mạng Máy tính & Truyền thông Dữ liệu có các chuyên ngành: (Đạt kiểm định ABET)				
		Kỹ thuật Mạng	101			
		Mạng Máy tính & Truyền thông Dữ liệu	140			
II TRƯỜNG CÔNG NGHỆ & KỸ THUẬT (TOP 251-300 THẾ GIỚI THEO QS RANKINGS 2025) - https://set.duytan.edu.vn						
1	7510301	Ngành Công nghệ Kỹ thuật Điện, Điện tử có các chuyên ngành: (Đạt kiểm định ABET)		A00 A01 D01 C01 C02 X26	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Anh Văn, Toán, Anh Văn, Toán, Lý Văn, Toán, Hóa Toán, Anh, Tin	
		Điện tử-Viễn thông	109			
		Điện-Điện tử chuẩn PNU	113(PNU)			
		Thiết kế Vi mạch Bán dẫn	127			
2	7510205	Điện tử Viễn thông Hàng không	143			
		Ngành Công nghệ Kỹ thuật Ô tô có các chuyên ngành: Công nghệ Kỹ thuật Ô tô	117			
		Công nghệ Ô tô Điện	141			
3	7520216	Điện Cơ Ô tô	145			
		Ngành Kỹ thuật Điều khiển & Tự động hóa có các chuyên ngành: Điện Tự động	110			
4	7520114	Kỹ thuật Điều khiển & Tự động hóa	118			
5	7520201	Ngành Kỹ thuật Cơ Điện tử có chuyên ngành*: Cơ Điện tử chuẩn PNU	112(PNU)			
6	7510202	Ngành Kỹ thuật Điện có chuyên ngành: Kỹ thuật Điện	150			
7	7210403	Ngành Công nghệ Chế tạo Máy có chuyên ngành: Công nghệ Chế tạo Máy	125			
7	7210403	Ngành Thiết kế Đồ họa có các chuyên ngành: Thiết kế Đồ họa	111	A00 (Toán, Lý, Hóa) ; A01 (Toán, Lý, Anh); D01 (Văn, Toán, Anh); C01 (Văn, Toán, Lý); C02 (Văn, Toán, Hóa); V01 (Toán, Văn, Vẽ)		
		Thiết kế Đồ họa & AI	111(AI)			
		Thiết kế Mỹ thuật số	129			
8	7210404	Thiết kế Thời trang	119			
		Thiết kế Thời trang & AI	119(AI)			
9	7580101	Ngành Kiến trúc có các chuyên ngành: Kiến trúc Công trình	107	V00 (Toán, Lý, Vẽ); V01 (Toán, Văn, Vẽ); V02 (Toán, Anh, Vẽ); V06 (Toán, Địa, Vẽ)		
10	7580103	Kiến trúc Công trình & AI	107(AI)			
		Ngành Kiến trúc Nội thất có các chuyên ngành*: Thiết kế Nội thất	123			
11	7580201	Thiết kế Nội thất & AI	123(AI)			
		Ngành Kỹ thuật Xây dựng có các chuyên ngành: (Đạt kiểm định ABET)		A00 (Toán, Lý, Hóa); D01 (Văn, Toán, Anh); C01 (Văn, Toán, Lý); A01 (Toán, Lý, Anh); X06 (Toán, Lý, Tin); X07 (Toán, Lý, Công nghệ)		
		Xây dựng Dân dụng & Công nghiệp	105			
Xây dựng Cầu đường	106					
12	7510102	Ngành Công nghệ Kỹ thuật Công trình Xây dựng có các chuyên ngành: Công nghệ Quản lý Xây dựng	206			
13	7510406	Công nghệ Quản lý Xây dựng & AI	206(AI)			
		Ngành Công nghệ Kỹ thuật Môi trường có chuyên ngành: Kỹ thuật Môi trường	300			
14	7540101	Ngành Công nghệ Thực phẩm có chuyên ngành: (Đạt kiểm định ABET) Công nghệ Thực phẩm	306	A00 (Toán, Lý, Hóa); B00 (Toán, Hóa, Sinh); B03 (Toán, Sinh, Văn); C01 (Văn, Toán, Lý); C02 (Văn, Toán, Hóa); A02 (Toán, Lý, Sinh)		
15	7850101	Ngành Quản lý Tài nguyên & Môi trường có chuyên ngành: Quản lý Tài nguyên & Môi trường	307			
16	7210205	Ngành Thanh nhạc có chuyên ngành: Thanh nhạc & Sản xuất Âm nhạc	901			N00 (Ngữ văn, Năng khiếu 1, Năng khiếu 2)

NGÀNH & CHUYÊN NGÀNH TUYỂN SINH NĂM 2026						
TT	MÃ NGÀNH	NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH	MÃ CHUYÊN NGÀNH	MÔN XÉT TUYỂN		
				Kết quả thi THPT (100), Học bạ THPT (200), Kết quả thi V-SAT (402), Xét tuyển kết hợp (405, 406)		
III	TRƯỜNG KINH TẾ & KINH DOANH (TOP 351-400 THẾ GIỚI THEO QS RANKINGS 2025) - https://sbe.duytan.edu.vn					
1	7340101	Ngành Quản trị Kinh doanh có các chuyên ngành:	Quản trị Kinh doanh Tổng hợp	400	A00 A01 D01 C01 A07 X01	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Anh Văn, Toán, Anh Văn, Toán, Lý Toán, Sử, Địa Văn, Toán, GDKT&PL
			Quản trị Kinh doanh Tổng hợp & AI	400(AI)		
			Quản trị Kinh doanh Quốc tế (Ngoại thương)	411		
			Quản trị Kinh doanh Bất động sản	415		
			Quản trị Kinh doanh Bất động sản & AI	415(AI)		
2	7340122	Ngành Thương mại Điện tử có chuyên ngành:	Thương mại Điện tử	422		
3	7340404	Ngành Quản trị Nhân lực có chuyên ngành:	Quản trị Nhân lực	417		
4	7510605	Ngành Logistics & Quản lý Chuỗi Cung ứng có các chuyên ngành:	Logistics & Quản lý Chuỗi cung ứng	416		
			Logistics & Quản lý Chuỗi cung ứng & AI	416(AI)		
5	7340115	Ngành Marketing có các chuyên ngành:	Quản trị Kinh doanh Marketing	401		
			Digital Marketing	402		
6	7340121	Ngành Kinh doanh Thương mại có chuyên ngành:	Kinh doanh Thương mại	412		
7	7340201	Ngành Tài chính - Ngân hàng có các chuyên ngành:	Tài chính Doanh nghiệp	403		
			Tài chính Doanh nghiệp & AI	403(AI)		
			Ngân hàng	404		
			Ngân hàng & AI	404(AI)		
8	7310104	Ngành Đầu tư Tài chính có chuyên ngành:	Đầu tư Tài chính	133		
9	7340301	Ngành Kế toán có các chuyên ngành:	Kế toán Doanh nghiệp	406		
			Kế toán Doanh nghiệp & AI	406(AI)		
			Kế toán Quản trị (HP)	406(HP)		
10	7340302	Ngành Kiểm toán có chuyên ngành:	Kế toán-Kiểm toán	405		
11	7340205	Ngành Công nghệ Tài chính có chuyên ngành:	Công nghệ Tài chính (Fintech)	435		
IV	TRƯỜNG NGÔN NGỮ & XÃ HỘI NHÂN VĂN (TOP 401-500 THẾ GIỚI THEO TIMES HIGHER EDUCATION 2026) - https://lhss.duytan.edu.vn					
1	7220201	Ngành Ngôn ngữ Anh có các chuyên ngành:	Tiếng Anh Biên-Phiên dịch	701	D01 D09 D14 D15 A01 D10	Văn, Toán, Anh Toán, Sử, Anh Văn, Sử, Anh Văn, Địa, Anh Toán, Lý, Anh Toán, Địa, Anh
			Tiếng Anh Biên-Phiên dịch & AI	701(AI)		
			Tiếng Anh Du lịch	702		
			Tiếng Anh Thương mại	801		
2	7220204	Ngành Ngôn ngữ Trung Quốc có các chuyên ngành:	Tiếng Trung Biên-Phiên dịch	703		
			Tiếng Trung Biên-Phiên dịch & AI	703(AI)		
			Tiếng Trung Du lịch	707		
			Tiếng Trung Thương mại	803		
3	7220210	Ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc có các chuyên ngành:	Tiếng Hàn Biên-Phiên Dịch	705		
			Tiếng Hàn Biên-Phiên Dịch & AI	705(AI)		
			Tiếng Hàn Du lịch	706		
			Tiếng Hàn Thương mại	805		
4	7220209	Ngành Ngôn ngữ Nhật có các chuyên ngành:	Tiếng Nhật Biên-Phiên Dịch	704		
			Tiếng Nhật Biên-Phiên Dịch & AI	704(AI)		
			Tiếng Nhật Du lịch	708		
			Tiếng Nhật Thương mại	804		
5	7229030	Ngành Văn học có chuyên ngành:	Văn Báo chí	601	C00	Văn, Sử, Địa
6	7310630	Ngành Việt Nam học có chuyên ngành:	Việt Nam học	600	D01 C03	Văn, Toán, Anh Văn, Toán, Sử
7	7320104	Ngành Truyền thông Đa phương tiện có các chuyên ngành:	Truyền thông Đa phương tiện	607	C04	Văn, Toán, Địa
			Truyền thông số & Quảng cáo	615	D14 D15	Văn, Sử, Anh Văn, Địa, Anh

NGÀNH & CHUYÊN NGÀNH TUYỂN SINH NĂM 2026						
TT	MÃ NGÀNH	NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH	MÃ CHUYÊN NGÀNH	MÔN XÉT TUYỂN		
				Kết quả thi THPT (100), Học bạ THPT (200), Kết quả thi V-SAT (402), Xét tuyển kết hợp (405, 406)		
8	7310206	Ngành Quan hệ Quốc tế có các chuyên ngành:	Quan hệ Quốc tế (Tiếng Trung)	603	C00 D01 C03 C04 D14 D15	Văn, Sử, Địa Văn, Toán, Anh Văn, Toán, Sử Văn, Toán, Địa Văn, Sử, Anh Văn, Địa, Anh
			Quan hệ Quốc tế (Tiếng Anh)	608		
			Quan hệ Quốc tế (HP)	608(HP)		
9	7320108	Ngành Quan hệ Công chúng có các chuyên ngành:	Quan hệ Công chúng	610		
			Quan hệ Công chúng & AI	610(AI)		
10	7380107	Ngành Luật Kinh tế có các chuyên ngành:	Luật Kinh tế	609		
			Luật Kinh doanh (HP)	609(HP)		
11	7380101	Ngành Luật có chuyên ngành:	Luật học	606		
V	TRƯỜNG DU LỊCH (TOP 51-100 THẾ GIỚI THEO QS RANKINGS 2025) - https://dtu-hti.edu.vn					
1	7810201	Ngành Quản trị Khách sạn có các chuyên ngành:	Quản trị Du lịch & Khách sạn	407	A01 C00 D01 C03 C04 X01	Toán, Lý, Anh Văn, Sử, Địa Văn, Toán, Anh Văn, Toán, Sử Văn, Toán, Địa Văn, Toán, GD&T&PL
			Quản trị Khách sạn Quốc tế (PSU) (Đạt kiểm định UNWTO.Tedqual)	414(PSU)		
2	7810103	Ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch & Lữ hành có các chuyên ngành:	Quản trị Du lịch & Lữ hành	408		
			Quản trị Du lịch & Lữ hành chuẩn PSU	408(PSU)		
			Hướng dẫn Du lịch Quốc tế (tiếng Anh)	440		
			Hướng dẫn Du lịch Quốc tế (tiếng Hàn)	441		
			Hướng dẫn Du lịch Quốc tế (tiếng Trung)	442		
			Quản trị Du lịch & Dịch vụ Hàng không	444		
3	7340412	Ngành Quản trị Sự kiện có chuyên ngành:	Quản trị Sự kiện & Giải trí	413		
4	7810202	Ngành Quản trị Nhà hàng & Dịch vụ Ăn uống có chuyên ngành:				
			Quản trị Nhà hàng Quốc tế (PSU) (Đạt kiểm định UNWTO.Tedqual)	425(PSU)		
5	7810101	Ngành Du lịch có các chuyên ngành:	Smart Tourism (Du lịch Thông minh)	445		
			Du lịch Văn hóa	448		
6	7810501	Ngành Kinh tế Gia đình có các chuyên ngành:	Quản trị Khởi nghiệp & Phát triển Kinh doanh	426		
			Quản trị Khởi nghiệp & AI	426(AI)		
VI	Y-DƯỢC DTU (TOP 401-500 THẾ GIỚI THEO TIMES HIGHER EDUCATION 2026) - https://cmp.duytan.edu.vn					
1	7720101	Ngành Y Khoa có chuyên ngành:	Bác sĩ Đa khoa	305	A00 B00 B03 A02 D08 D07	Toán, Lý, Hóa Toán, Hóa, Sinh Toán, Sinh, Văn Toán, Lý, Sinh Toán, Sinh, Anh Toán, Hóa, Anh
2	7720501	Ngành Răng-Hàm-Mặt có chuyên ngành:	Bác sĩ RĂNG-HÀM-MẶT	304		
3	7720301	Ngành Điều dưỡng có chuyên ngành:	Điều dưỡng Đa khoa	302		
4	7720201	Ngành Dược có các chuyên ngành:	Dược sỹ (Đại học)	303		
5	7420201	Ngành Công nghệ Sinh học có chuyên ngành:	Công nghệ Sinh học	310		
6	7520212	Ngành Kỹ thuật Y sinh có chuyên ngành:	Kỹ thuật Y sinh	320		
			Kỹ thuật Y sinh & AI	320(AI)		
7	7720601	Ngành Kỹ thuật Xét nghiệm Y học có chuyên ngành:	Xét nghiệm Y học	330		
VII	CHƯƠNG TRÌNH TIẾN TIẾN & QUỐC TẾ - ĐẠT KIỂM ĐỊNH ABET (MỸ) KHỐI NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - https://is.duytan.edu.vn					
1	7480103	Ngành Kỹ thuật Phần mềm có chuyên ngành:	Công nghệ Phần mềm chuẩn CMU (Đạt kiểm định ABET)	102(CMU)	A00	Toán, Lý, Hóa
2	7480202	Ngành An toàn Thông tin có chuyên ngành:	An ninh Mạng chuẩn CMU	116(CMU)	A01 D01 C01 C02 X26	Toán, Lý, Anh Văn, Toán, Anh Văn, Toán, Lý Văn, Toán, Hóa Toán, Anh, Tin
3	7340405	Ngành Hệ thống Thông tin Quản lý có chuyên ngành:	(Đạt kiểm định ABET)	410(CMU)		
			Hệ thống Thông tin Quản lý chuẩn CMU			
4	7340122	Ngành Thương mại Điện tử có chuyên ngành:	Thương mại Điện tử chuẩn CMU	422(CMU)	A00 (Toán, Lý, Hóa); A01 (Toán, Lý, Anh); D01 (Văn, Toán, Anh); C01 (Văn, Toán, Lý); A07 (Toán, Sử, Địa); X01 (Văn, Toán, GD&T&PL)	
5	7340101	Ngành Quản trị Kinh doanh có chuyên ngành:	Quản trị Kinh doanh chuẩn PSU	400(PSU)		
6	7340201	Ngành Tài chính-Ngân hàng có chuyên ngành:	Tài chính-Ngân hàng chuẩn PSU	404(PSU)		
7	7340205	Ngành Công nghệ Tài chính có chuyên ngành:	Công nghệ Tài chính (Fintech) chuẩn PSU	435(PSU)		
8	7340301	Ngành Kế toán có chuyên ngành:	Kế toán-Kiểm toán chuẩn PSU	405(PSU)		
9	7580201	Ngành Kỹ thuật Xây dựng có chuyên ngành:	(Đạt kiểm định ABET)	105(CSU)	A00, A01, C01, D01, X06 (Toán, Lý, Tin); X07 (Toán, Lý, Công nghệ)	
			Xây dựng Dân dụng & Công nghiệp chuẩn CSU			
10	7580101	Ngành Kiến trúc có chuyên ngành:	Kiến trúc Công trình chuẩn CSU	107(CSU)	V00, V01, V02, V06	

NGÀNH & CHUYÊN NGÀNH TUYỂN SINH NĂM 2026					
TT	MÃ NGÀNH	NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH	MÃ CHUYÊN NGÀNH	MÔN XÉT TUYỂN	
				Kết quả thi THPT (100), Học bạ THPT (200), Kết quả thi V-SAT (402), Xét tuyển kết hợp (405, 406)	
VIII	CHƯƠNG TRÌNH DU HỌC TẠI CHỖ LẤY BẰNG MỸ (ĐH TROY) - https://troy.edu.vn				
1	7480101 (LK)	Ngành Khoa học Máy tính có chuyên ngành: Khoa học Máy tính TROY	102(TROY)	A00, A01, D01, C01, C02, X26	
2	7340101 (LK)	Ngành Quản trị Kinh doanh có chuyên ngành: Quản trị Kinh doanh TROY	400(TROY)	A00, A01, D01, C01, A07, X01	
3	7810201 (LK)	Ngành Quản trị Khách sạn có chuyên ngành: Quản trị Du lịch & Khách sạn TROY	407(TROY)	A01, C00, D01, C03, C04, X01	
IX	CHƯƠNG TRÌNH TÀI NĂNG (QUẢN LÝ NAM KHUÊ) - https://smi.edu.vn				
1	7340101 (HP)	Ngành Quản trị Kinh doanh có chuyên ngành: Quản trị Doanh nghiệp (HP)	400(HP)	A00 A01 D01 C01 A07 X01	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Anh Văn, Toán, Anh Văn, Toán, Lý Toán, Sử, Địa Văn, Toán, GDKT&PL
2	7340115 (HP)	Ngành Marketing có chuyên ngành: Quản trị Marketing & Chiến lược (HP)	401(HP)		
3	7340201 (HP)	Ngành Tài chính-Ngân hàng có chuyên ngành: Quản trị Tài chính (HP)	403(HP)		
4	7510605 (HP)	Ngành Logistics & Quản lý Chuỗi cung ứng có chuyên ngành: Logistics & Quản lý Chuỗi cung ứng (HP)	416(HP)		
X	CHƯƠNG TRÌNH VIỆT - NHẬT - https://vjiet.duytan.edu.vn				
1	7480103	Công nghệ Phần mềm	102(VJJ)	A00, A01, D01, C01, C02, X26	
2	7510301	Điện tử-Viễn thông	109(VJJ)	A00, A01, D01, C01, C02, X26	
3	7520216	Kỹ thuật Điều khiển & Tự động hóa	118(VJJ)	A00, A01, D01, C01, C02, X26	
4	7510205	Công nghệ Kỹ thuật Ô tô	117(VJJ)	A00, A01, D01, C01, C02, X26	
5	7580201	Xây dựng Dân dụng & Công nghiệp	105(VJJ)	A00, A01, D01, C01, X06, X07	
6	7580101	Kiến trúc Công trình	107(VJJ)	V00, V01, V02, V06	
7	7210403	Thiết kế Đồ họa	111(VJJ)	A00, A01, D01, C01, C02, V01	
8	7540101	Công nghệ Thực phẩm	306(VJJ)	A00, B00, B03, C01, C02, A02	
9	7720301	Điều dưỡng Đa khoa	302(VJJ)	A00, B00, B03, A02, D08, D07	
XI	CHƯƠNG TRÌNH NH CTBC				
1	7510301	Ngành Công nghệ Kỹ thuật Điện, Điện tử có chuyên ngành: (Đạt kiểm định ABET) Thiết kế Vi mạch Bán dẫn CTBC (Đài Loan-Trung Quốc)	127(CTBC)	A00, A01, D01, C01, C02, X26	
2	7510205	Ngành Công nghệ Kỹ thuật Ô tô có chuyên ngành: Công nghệ Kỹ thuật Ô tô CTBC (Đài Loan-Trung Quốc)	117(CTBC)		

Ghi chú:

- Thí sinh theo dõi Thông tin Tuyển sinh năm 2026 của Đại học Duy Tân trên Website.

- Ngành/Chuyên ngành mới.

(*) Các Ngành dự kiến mở trong năm 2026.

• CMU: Carnegie Mellon University
• PSU: Pennsylvania State University
• CSU: California State University
• PNU: Purdue Northwest University

• CTBC: University of Science and Technology
• HP: Chương trình Tài năng
• TROY: ĐẠI HỌC TROY
• VJJ: Chương trình Việt-Nhật

GẦN 2.000 SUẤT HỌC BỔNG VỚI TỔNG TRỊ GIÁ

HƠN 65 TỶ ĐỒNG



CHƯƠNG TRÌNH TIỀN TIẾN & QUỐC TẾ

65 SUẤT HƠN 8 TỶ ĐỒNG



CHƯƠNG TRÌNH TÀI NĂNG

180 SUẤT GẦN 17 TỶ ĐỒNG



CÁC TRƯỜNG ĐÀO TẠO

20 SUẤT GẦN 3 TỶ ĐỒNG



ĐẠI HỌC TROY

50 SUẤT GẦN 7 TỶ ĐỒNG

- ▶ Giảm **30%** học phí cho tất cả thí sinh đăng ký vào học một trong các ngành **Xây dựng, Kiến Trúc, Môi trường, Công nghệ Sinh học.**
- ▶ Giảm **20%** học phí cho tất cả thí sinh đăng ký vào học một trong các ngành **Xây dựng, Kiến Trúc** chuẩn CSU.
- ▶ Giảm **30% đến 70%** học phí năm đầu tiên dành cho các thí sinh có giải Nhất, Nhì, Ba cấp Tỉnh, Thành phố.

HỌC BỔNG